

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu dân cư An Lộc 3, phường Nhơn Hòa
của UBND thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 431/STNMT-CCBVMT ngày 05/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư An Lộc 3, phường Nhơn Hòa;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư An Lộc 3, phường Nhơn Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 677/UBND ngày 08/5/2024 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 556/TTr-STNMT ngày 20/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư An Lộc 3, phường Nhơn Hòa (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYỂN KHU DÂN CƯ AN LỘC 3, PHƯỜNG NHƠN HÒA
CỦA UBND THỊ XÃ AN NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư An Lộc 3, phường Nhơn Hòa.
- Địa điểm thực hiện: phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: Số 78, đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Tổng diện tích: 8,5 ha.
- Quy mô: 281 lô đất ở và 01 trường mầm non; quy mô dân số dự kiến khoảng 1.124 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền (107.537,10 m³), bố trí 281 lô đất ở với diện tích 38.666 m² và 01 trường mầm non với diện tích 4.997,40 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m³/ngày.đêm (phân kỳ 02 giai đoạn) (đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng), có hạng mục xử lý mùi hôi.

- Tổng diện tích công viên cây xanh khoảng 4.194,4 m².

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 67.229,9 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động

xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công, vận chuyển.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư phát sinh chất thải sinh hoạt (nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt,...).

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1-2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 142,38 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi và khí thải từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu thải; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công;... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 425 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, gỗ thừa,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 6.344,20 m³. Thành phần chủ yếu là đất, sét, bùn.

- Sinh khối thực vật: khoảng 100 kg.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 27,36 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.041,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông,...

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 80 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau nhiễm dầu mỡ thải, các loại dầu mỡ thải, que hàn, cặn sơn,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 84,3 kg/năm (tương đương khoảng 7 kg/tháng). Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải;...

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải:

- Tác động đến giao thông của khu vực: gây ùn tắc, tai nạn giao thông, hư hỏng các tuyến đường,...

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân; việc thoát nước mưa khu vực dự án và lân cận.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án và lân cận.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 02 nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: thu gom vào hố lắng để lắng cặn và tách dầu mỡ, phần nước sẽ được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn

đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

b) Giai đoạn hoạt động: Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 170 m³/ngày.đêm với hai phân kỳ đầu tư.

+ Giai đoạn đầu: xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 50 m³/ngày.đêm); nước thải sinh hoạt của các hộ dân, trường mầm non được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được thu gom theo đường ống HDPE đường kính D300, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0; K_q = 0,9). Nước thải sau xử lý dẫn theo đường ống HDPE D300 xả ra mương Duối (phía Bắc dự án) và thoát ra sông Kôn.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Mương Duối hiện trạng, cách dự án khoảng 330m về phía Bắc).

+ Về lâu dài: Khi hệ thống xử lý nước thải chung của thị xã được xây dựng; nước thải từ Dự án được thu gom về Nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý. Hệ thống xử lý nước thải của dự án (50 m³/ngày.đêm) sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm; bơm về hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực. Trong trường hợp lượng nước thải từ Dự án vượt quá công suất xử lý 50 m³/ngày.đêm và Nhà máy xử lý nước thải tập trung của thị xã chưa được đầu tư xây dựng, Chủ dự án đầu tư nâng công suất hệ thống xử lý nước thải lên 170 m³/ngày.đêm để đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của dự án.

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa hoạt động trên nguyên tắc tự chảy. Nước mưa được thu gom bằng hệ thống hố ga và tuyến cống BTLT D600-D1000, thoát theo 2 hướng chính:

+ Hướng Nam – Bắc: nước mưa thông qua các tuyến cống, sau đó đầu nối với hố ga thoát nước mưa hiện trạng của Khu dân cư An Lộc 1 và An Lộc 2, từ đó thoát về hướng Bắc xả ra mương hiện trạng tại cầu Mương Duối.

+ Hướng Tây – Đông: nước mưa qua các tuyến cống thoát về mương đất hoàn trả hiện trạng và xả tại cửa xả trên đường ĐS3 của dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn xây dựng: thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được thu gom, vận chuyển đổ thải tại bãi thải tại các thửa đất số: 1062, 1063, 1065 thuộc tờ bản đồ số 08, khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tổng diện tích bãi thải là 16.731 m².

- Đối với rác thải sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Các hộ gia đình và trường mầm non tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, GPMB, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Giám sát không khí xung quanh trong thời gian thi công

- Vị trí giám sát:

- + 01 vị trí tại khu vực phía Tây dự án, giáp đường hiện trạng từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 (Tọa độ: X = 1.533.690; Y = 592.199, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- + 01 vị trí tại khu vực phía Tây Nam dự án, giáp đường bê tông và khu dân cư hiện trạng (Tọa độ: X = 1.533.416; Y = 592.111, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong thời gian thi công

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải (Tọa độ: $X = 1.533.763,9$; $Y = 592.212,3$; hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3^0)

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), dầu mỡ động thực vật, Coliforms.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1,0; Kq = 0,9).

- Tần suất quan trắc: thực hiện giám sát theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận và theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.